

I. Nội dung giao tiếp

Các em hãy xem kĩ tranh, đọc hiểu câu hỏi và trả lời để tự kiểm tra và cùng ôn luyện những hành động lời nói đã học trong bốn bài qua.

- *
- Скажи, что можно делать в кинотеатре (rạp chiếu bóng)?
-
- Куда сейчас идёт Иван Иванович ?
-
- Как он идёт? Быстро или медленно?
-
- А как идут Лёна и Виктор?
-
- Куда они сейчас хотят идти?
-



- Как ты думаешь (nghĩ), что хотят Лена и Виктор?

- А Иван Иванович?

- Вот Анна. Как ты думаешь, кого она ждёт?

- Какой фильм они хотят смотреть сегодня?

- Скажи, когда они идут в кино? Утром?

- А днём можно смотреть фильм в кинотеатре?

- Как ты думаешь, они любят кино?

- А ты любишь смотреть фильм в кинотеатре или
смотреть телевизор дома?

* Nếu tình huống trên xảy ra ngày hôm qua thì em sẽ trả lời các câu hỏi sau đây như thế nào?

- Где были Лена и Виктор вчера?

- А Иван Иванович?

- Когда они были там вчера?

- А Анна тоже была в кинотеатре вчера?

-

- Ты не знаешь, кого ждала Анна там?

-

- Что они хотели там делать?

-

- Какой фильм хотела смотреть Лена вчера?

-

- Какой фильм смотрел Иван Иванович вчера вечером?

-



*

- Скажи, кем работает Антон?

-

- А Анна кем работает?

-



- Что сейчас делают Анна и Антон?

-



- Что любит Лена делать?

-

- А Антон что любит делать?

-

- Как ты думаешь, кем они хотят быть?

-



II. Nội dung ngôn ngữ

1. Em đã biết trạng từ được dùng cùng động từ để nói chất lượng việc làm (hành động), còn tính từ được dùng với danh từ để nói đặc trưng của người hoặc sự vật.

* Hãy đặt câu hỏi cho từ được gạch dưới trong các câu sau:

- Это хорошая песня.

- ?

- Оля хорошо поёт.

- ?

* Hãy điền vào ô trống từ thích hợp.

| Tính từ | Trạng từ |
|--------------|----------|
| интересный | ... |
| ... | красиво |
| внимательный | ... |
| ... | быстро |

2. Em đã học thêm được dạng số ít của danh từ động vật ở cách 4.

* Hãy biến đổi từ cho trong ngoặc sang dạng cần thiết để điền vào chỗ chấm và đặt câu hỏi cho từ đó.

а) Мы слушаем (музыка).

б) Мы любим (учительница).

в) Жёня смотрит (телевизор).

г) Учитель спрашивает (ученик).

д) Катя читает (письмо).

3. Em cũng đã biết thêm dạng số ít của danh từ ở cách 5.

* Hãy thực hiện nhiệm vụ cho dưới và tự kiểm tra xem có nhớ cách biến đổi không.

+ Кто кем хóчет быть?

a) Моя сестра, балерина (diễn viên múa ba lê).

б) Мой друг, инженер.

+ Кто кем рабóтает?

a) Мой брат, учитель.

б) Моя máма, учительница.

4. Em đã biết dạng chia thời hiện tại và thời quá khứ của động từ tiếng Nga.

Cần nhớ rằng động từ thời quá khứ được biến đổi theo giống và số.

* Hãy nhớ lại các động từ đã biết, ôn lại cách chia thời hiện tại, quá khứ và đặt câu với chúng.

5. Giới từ “В” cách 4 và “НА” cách 6 được dùng với những ý nghĩa khác nhau.

* Hãy đọc bảng tổng kết và điền câu hỏi vào ô trống.

| Cách 4 | | Câu hỏi | Ví dụ |
|----------|-----------------------------|---------|-----------------------|
| В | Nói ai đi đâu | | Кóля идёт в шкóлу. |
| | Nói ai chơi môn thể thao gì | | Вáня играёт в футбóл. |

| Cách 6 | | Câu hỏi | Ví dụ |
|-----------|-----------------------------|---------|-----------------------------|
| НА | Nói ai, cái gì ở đâu | | Сергéй рабóтает на заводе. |
| | Nói phương tiện chuyển động | | Он éдет на завод на машине. |
| | Nói ai chơi nhạc cụ gì | | Он хорошó играёт на гитаре. |

III. Học mà vui

* Trong các từ sau đây còn thiếu một chữ cái. Em có thể điền vào được không?

се□одня

здра□стуйте

□чера

заво□

и□ти

* Загадка (câu đố)

*Не радио,
А говорит.
Не театр,
А кино показывает (chiếu phim).*

Что это ?